

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2024
*V/v hủy kết hôn trái pháp luật;
giải quyết việc nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên,

Ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc: Hủy kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Xa Đ, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Tân Chín D, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND xã. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Vàng Xa Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đ** và anh **Đ** được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2011, đến ngày 07/9/2011 thì anh chị đăng ký kết hôn tại **UBND xã B**, anh chị tự nguyện đến với nhau và không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do chị **Đ** chưa đủ tuổi kết hôn nên chị đã tự khai tăng tuổi của mình lên để đủ tuổi kết hôn theo quy định, tại thời điểm đó chị **Đ** cũng không cung cấp bất kỳ giấy tờ tùy thân nào cho xã. Trong thời gian chung sống cùng nhau thì anh chị chỉ ở cùng nhau được vài tháng rồi anh **Đ** đi xuất khẩu lao động 03 năm ở nước ngoài. Thời gian anh **Đ** đi xuất khẩu thì chị **Đ** cũng bỏ nhà đi làm và về nhà mẹ đẻ ở. Sau khi anh **Đ** đi xuất khẩu lao động về thì anh chị cũng không ở cùng nhau cho đến nay. Tình cảm vợ chồng đã phai nhạt và không còn dành cho nhau nữa, chính vì vậy chị **Đ** không muốn tiếp tục chung sống cùng anh **Đ** và đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh **Đ** theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/2011 ngày 07/9/2011 của **UBND xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu**.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên **Tân Thị D1**, sinh ngày 12/12/2012. Sau khi ly hôn chị **Đ** và a Dao nhất trí giao cháu **D1** cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Đ** và anh **Đ** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bố đẻ của anh **Tân Chín D**; xác minh Trưởng bản Nà Đông; xác minh qua **Công an xã B, huyện P** và xác định: Chị **Đ** và anh **Đ** có đăng ký kết hôn với nhau, nhưng gia đình a **Đ** và chị **Đ** không biết chị **Đ** sinh năm nào. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống cùng gia đình anh **Đ**, sau đó chị **Đ** tự ý bỏ đi rồi không về chung sống cùng anh **Đ** nữa, còn nguyên nhân là gì thì không ai biết, tổ hòa giải của bản cũng chưa hòa giải cho anh chị lần nào. Hiện tại anh **Đ** lại tiếp tục đi làm ăn xa, còn làm cụ thể công việc gì hay ở đâu không ai

rõ, chỉ thấy anh vẫn gọi điện liên lạc với gia đình thường xuyên, hàng tháng vẫn gửi tiền cho gia đình bố mẹ nuôi con, anh **D** không đăng ký tạm vắng tại địa phương. Anh **D** cũng đã biết việc chị **Đ** gửi đơn đến Tòa án, anh không có ý kiến gì về yêu cầu của chị **Đ**, anh chỉ mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con của anh chị là cháu **Tân Thị D1**, vì lý do công việc anh không thể về để giải quyết được, và bản thân anh cũng không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **P** thì thấy rằng: Chị **Đ** và anh **D** có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã **B**, tuy nhiên tại sổ đăng ký kết hôn và hồ sơ đăng ký kết hôn của anh **D** và chị **Đ** hiện không còn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã **D2** đã bị thất lạc, nên cũng không biết anh chị có cung cấp giấy tờ tùy thân khi đến đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2011 hay không. Vào ngày 30/3/2023 chị **Lý Xa Đ1** có đến Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **P** để đăng ký lại khai sinh, thể hiện chị **Đ1** sinh ngày 01/8/1996, Ủy ban nhân dân xã cũng đã tiến hành điều tra xác minh và có bản cam kết của mẹ chị **Đ1** và lập biên bản thừa nhận, thể hiện ngày tháng năm sinh của chị **Đ1** là ngày 01/8/1996 mới đúng quy định của pháp luật. Việc đăng ký kết hôn giữa chị **Đ1** và anh **D** là vi phạm pháp luật do chị **Đ1** chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã **B** cũng nhất trí với ý kiến của chị **Đ1** là hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị **Đ1** và anh **D** tại giấy chứng nhận kết hôn số 74/2011 ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã **B**.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của con chung là cháu **Tân Thị D1**, sinh năm 2012, nguyện vọng của cháu **D1** là sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở cùng bố và ông bà nội, do mẹ cháu bận đi làm ăn xa, không có điều kiện kinh tế để chăm sóc, quan tâm, nuôi dạy cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tiến hành thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn xét xử, nội dung giải quyết vụ án của Tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự tố tụng dân sự khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **V** Xa Danh về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh **Tân Chín D**, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Đ1** và anh **D**. Về con chung: Giao cháu **Tân Thị D1** cho anh **Tân C** Dao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vàng Xa Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc nuôi con chung” giữa chị và anh Tân Chấn D. Chị Đ và anh D đều đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã B đã được Tòa án gửi giấy triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Tại giấy chứng nhận kết hôn có thể hiện chị L Xa Danh sinh ngày 01/8/1993, tuy nhiên sau đó chị Đ đã làm lại giấy khai sinh và thể hiện chị sinh ngày 01/8/1996 là đúng, UBND xã B cũng đã xác nhận đó là ngày tháng năm sinh chính xác theo quy định pháp luật của chị Đ. Như vậy ngày tháng năm sinh của chị Đ trong giấy khai sinh là không đúng và chị Đ cũng thừa nhận khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, khi biết mình chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị đã khai tăng số tuổi của mình lên bằng việc chị khai năm sinh của chị từ 1996 thành năm 1993 và chị cũng thừa nhận khi đăng ký kết hôn chị không xuất trình bất cứ giấy tờ gì chứng minh về độ tuổi của chị, việc kết hôn cũng đã lâu, tại thời điểm chị và anh D đăng ký kết hôn bản thân chị mới 15 tuổi 01 tháng 06 ngày tuổi, còn hiện tại chị cũng không còn nhớ chính xác cụ thể nội dung việc kết hôn như thế nào, như vậy chị Đ thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Mặt khác trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị không có hạnh phúc, do cả hai đi làm xa nhau,

nên anh chị đã ly thân từ rất lâu, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cuộc sống với nhau. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh D là phù hợp với Điều 10, 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp.

[4] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc hủy kết hôn trái pháp luật bị hủy thì không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Xa Đ và anh Tấn Chín D.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh D có 01 con chung là cháu Tấn Thị D1, sinh ngày 12/12/2012. Hiện nay cháu D1 đang ở cùng anh D, chị Đ cũng nhất trí cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu D1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, do chị Đ không có điều kiện kinh tế cũng như thời gian chăm sóc nuôi dạy cháu D1, hiện tại cháu D1 được gia đình anh D chăm sóc, nuôi dạy rất tốt. Bố mẹ anh D cũng rất yêu thương cháu và tạo điều kiện cho anh D và cháu D1 ở cùng. Cháu D1 cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng bố và ông bà nội khi bố mẹ cháu không còn ở cùng nhau nữa. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được phép cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với UBND xã B đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Đ và anh D không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn do chị Đ đã không khai đúng tuổi thật của mình, Ủy ban nhân dân xã B lại không yêu cầu các đương sự cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh về độ tuổi thật của chị Đ. Do đó có đủ căn cứ xác định Ủy ban nhân dân xã B, huyện P có lỗi trong việc đăng ký kết hôn trái pháp luật cho chị Đ và anh D, khi chị Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của

Luật hôn nhân gia đình. Ủy ban nhân dân xã B cũng nhất trí với yêu cầu của chị Đ về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh D theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/2011 ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, khoản 1 Điều 244, các Điều 227, 228, 238 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V Xa Danh.

Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Vàng Xa Đ và anh Tân C Dao tại giấy chứng nhận kết hôn số 74/2011 ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh D.

Về con chung: Giao cháu Tân Thị D1, sinh ngày 12/12/2012 cho anh T1 Chín Dao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **D** không yêu cầu chị **Đ** cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Đ** và anh **D** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Đ** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huệ